TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1191/2020/QĐST-HNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 27 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1129/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Trương Xuân B

2/ Bà Mai Thị Thanh T

Cùng địa chỉ: Đường X, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Trương Xuân B và bà Mai Thị Thanh T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số: 01 Quyển số 16 ngày 20/6/2002 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện U, tỉnh Hà Tây cấp.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 08/7/2020 và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19/8/2020, ông B và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Trương Diệu N, sinh ngày 20/06/2003 và Trương Gia H, sinh ngày 03/06/2012, ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng (mỗi trẻ 1.000.000/tháng cấp dưỡng từ ngày từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 trẻ tròn 18 tuổi), về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông B và bà T thật sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận người trực tiếp nuôi con, tài sản chung không có và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc này.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Trương Xuân B và bà Mai Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 01 Quyển số 01 ngày 20/6/2002 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện U, tỉnh Hà Tây cấp hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trương Diệu N, sinh ngày 20/06/2003 và Trương Gia H, sinh ngày 03/06/2012, ông B bà T thỏa thuận giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng (mỗi trẻ 1.000.000/tháng cấp dưỡng từ ngày từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 trẻ tròn 18 tuổi), về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông B và bà T phải chịu lệ phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2019/0088053 ngày 22/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- UBND xã T, huyện U, tỉnh Hà Tây;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Dư Tuyết Lạnh